

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN TỔNG THỂ CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Đơn vị	Kế hoạch	Lũy kế giải ngân kế hoạch 2025 quý 1		Lũy kế giải ngân kế hoạch 2025 quý 2		Lũy kế giải ngân kế hoạch 2025 quý 3		Lũy kế giải ngân kế hoạch 2025 đến 30/11/2025		Lũy kế giải ngân kế hoạch 2025 quý 4		Lũy kế giải ngân kế hoạch 2025 đến 31/01/2026	
			Số giải ngân	Tỷ lệ (%)	Số giải ngân	Tỷ lệ (%)	Số giải ngân	Tỷ lệ (%)	Số giải ngân	Tỷ lệ (%)	Số giải ngân	Tỷ lệ (%)	Số giải ngân	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số	3.938.500	659.733	16.75%	1.985.035	50.40%	2.714.489	68.92%	3.599.001	91.38%	3.751.852	95.26%	3.938.500	100.00%
1	Huyện Cẩm Mỹ	287.124	22.194	7.73%	90.914	31.66%	126.077	43.91%	258.412	90.00%	258.412	90.00%	287.124	100.00%
2	Huyện Định Quán	409.106	25.040	6.12%	106.020	25.92%	168.351	41.15%	368.195	90.00%	368.195	90.00%	409.106	100.00%
3	Huyện Long Thành	441.729	99.891	22.61%	372.682	84.37%	436.309	98.77%	436.309	98.77%	441.729	100.00%	441.729	100.00%
4	Huyện Nhơn Trạch	235.173	98.998	42.10%	185.103	78.71%	210.836	89.65%	210.836	89.65%	235.136	99.98%	235.173	100.00%
5	Huyện Tân Phú	459.937	50.373	10.95%	162.195	35.26%	286.217	62.23%	413.943	90.00%	413.943	90.00%	459.937	100.00%
6	Huyện Thống Nhất	278.763	71.802	25.76%	176.400	63.28%	226.774	81.35%	250.887	90.00%	250.887	90.00%	278.763	100.00%
7	Huyện Trảng Bom	348.673	39.115	11.22%	101.756	29.18%	227.763	65.32%	348.673	100.00%	348.673	100.00%	348.673	100.00%
8	Huyện Vĩnh Cửu	295.512	6.416	2.17%	100.254	33.93%	214.850	72.70%	265.961	90.00%	265.961	90.00%	295.512	100.00%
9	Huyện Xuân Lộc	271.072	17.427	6.43%	98.408	36.30%	135.755	50.08%	244.000	90.01%	257.755	95.09%	271.072	100.00%
10	Thành phố Biên Hòa	588.867	179.295	30.45%	399.625	67.86%	458.581	77.88%	493.380	83.78%	588.867	100.00%	588.867	100.00%
11	Thành phố Long Khánh	322.544	49.182	15.25%	191.678	59.43%	222.976	69.13%	308.405	95.62%	322.294	99.92%	322.544	100.00%